

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 651/2023/HC-PT

Ngày 31 tháng 8 năm 2023

*“V/v khiếu kiện quyết định, hành vi hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Ông Phạm Đình Khánh.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà:**
Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 294/2023/TLPT–HC ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC–ST, ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9721/2023/QĐ–PT ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Nghiêm Thị L, sinh năm 1949; địa chỉ: Số A, ngõ D, ngách D T, phường K, quận T, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình Minh L1; địa chỉ: Số B, ngõ H, đường Đ, quận Đ, thành phố Hà Nội; có mặt, vắng mặt khi tuyên án.

- **Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh Đ, chức vụ: Phó chủ tịch; có mặt.

2. Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nghiêm Sỹ Đ1, chức vụ: Phó Chủ tịch; có mặt.

3. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông [Lê Quốc H](#), chức vụ: Trưởng phòng; có mặt.

4. Văn phòng đăng ký đất đai [chi nhánh huyện H - Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#).

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông [Lê Hải Đ2](#), chức vụ: Phó Giám đốc; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà [Nghiêm Thị L2](#), sinh năm 1946; địa chỉ: [Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#); vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà [Đinh Thị B](#); địa chỉ: [A Quán T, phường Q, quận B, thành phố Hà Nội](#); có mặt.

2. Bà [Nghiêm Thị L3](#), sinh năm 1960; địa chỉ: [K, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#); có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông [Nghiêm Sỹ H1](#); địa chỉ: [C, chung cư S, N, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa](#); có mặt.

3. Ông [Nghiêm Xuân Đ3](#), sinh năm 1968; địa chỉ: [Số nhà G, ngõ B, đường T, khối A, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#); có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông [Nghiêm K](#), sinh năm 1937 (đã chết trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông [Nghiêm K](#):

4.1. Bà [Võ Thị C](#), sinh năm 1956; địa chỉ: [Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#); vắng mặt.

4.2. Bà [Nhiêm Thị M](#), sinh năm 1960; địa chỉ: [K, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#); vắng mặt.

4.3. Ông [Nghiêm Xuân Đ3](#), sinh năm 1968; địa chỉ: [Số nhà G, ngõ B, đường T, khối A, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#); có đơn xin xét xử vắng mặt.

4.4. Bà [Nghiêm Thị S](#), sinh năm 1972; địa chỉ: [Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#); vắng mặt.

4.5. Bà [Nghiêm Thị T](#), sinh năm 1975; địa chỉ: [K, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#); vắng mặt.

4.6. Bà [Nghiêm Thị N](#), sinh năm 1979; địa chỉ: [K, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An](#); vắng mặt.

4.7. Bà [Nghiêm Võ Hoài T1](#), sinh năm 1989; địa chỉ: [Xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#); vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà [C](#), bà [S](#), bà [T1](#), bà [M](#), bà [L4](#), bà [T](#), bà [N](#), ông [Đ3](#): Bà [Phan Thị V](#); địa chỉ: [Số nhà G, ngõ B, đường T, khối A, phường T, thành phố V, Nghệ An](#); có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Bà [Võ Thị C](#), sinh năm 1956; địa chỉ: [Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#); vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện bà [Nguyễn Thị L.](#)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- *Người khởi kiện, bà [Nguyễn Thị L](#) trình bày:*

Bà là hàng thừa kế thứ nhất của bà [Bùi Thị T2](#) (chết năm 2017), trước lúc chết bà [T2](#) sinh sống ổn định tại căn nhà ở [thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#) thuộc thửa đất số 212 tờ bản đồ địa chính số 09. Sau khi bà [T2](#) chết, bà [L](#) và các đồng thừa kế tiến hành làm thủ tục thừa kế tài sản theo quy định của pháp luật thì mới phát hiện ra thửa đất bà [T2](#) sinh sống từ năm 1992 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số BN 814066 ngày 26/8/2014 cho ông [Nguyễn Xuân Đ3](#).

Thửa đất ông [Đ3](#) được cấp GCNQSDĐ được thừa kế từ ông nội [Nguyễn Khắc N1](#) và bà [Lê Thị T3](#) với GCNQSDĐ cũ là Q201007 ngày 20/10/1995. Theo các cư dân sinh sống lâu năm tại địa phương thì mảnh đất tranh chấp có nguồn gốc từ cố [Nguyễn Q](#) nhưng không có giấy tờ nào về việc phân chia thừa kế giữa những đồng thừa kế của cố [Nguyễn Q](#), không có giấy tờ nào về việc Nhà Nước công nhận quyền sử dụng đất cho cố Nguyễn Quang nên không rõ cơ sở nào để cấp GCNQSDĐ đất số Q201007 cho cụ [N1](#), cụ [T3](#) vào năm 1995.

Việc cấp GCNQSDĐ cho ông [Đ3](#) có dấu hiệu Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã không công khai theo quy định pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của những người đang sinh sống trên mảnh đất. GCNQSDĐ cấp cho ông [Đ3](#) đã tăng lên 181m² so với GCNQSDĐ cũ (1.056m² so với 875m²) và chồng lấn hoàn toàn lên diện tích 70m² đất mẹ bà đã sinh sống từ năm 1992. Diện tích tăng thêm này ông [Đ3](#) không tiến hành thủ tục điều chỉnh chênh lệch diện tích, cơ quan quản lý đất đai địa phương không xác minh có tranh chấp với những người sử dụng liền kề hay không, [UBND xã Đ](#) giải thích là sai số do đo đạc là không phù hợp với sai số cho phép trong đo đạc địa chính.

Cán bộ địa chính của [UBND xã Đ](#), cán bộ [phòng Tài nguyên môi trường huyện Đ](#) có hành vi vi phạm là không đưa tên hộ sử dụng đất liền kề là bà [Bùi Thị T4](#) (mẹ của bà) vào Bản mô tả ranh giới dẫn đến việc trong hồ sơ đăng ký biến động của nguyên đơn không xuất hiện thông tin này trong các Biên bản kiểm tra thực địa. Như vậy là vi phạm quy định về lập bản đồ địa chính, dẫn đến sai sót và tranh chấp do tờ bản đồ địa chính số 09 không được vẽ chính xác so với thực tế.

Ngày 10/5/2021 bà đã gửi Phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai tới [Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H](#), [Văn phòng đăng ký đất đai huyện H - Đ](#) nhưng cho đến nay chưa có phản hồi. Đây là hành vi cố tình không giải quyết thủ tục hành chính, vi phạm pháp luật đất đai đối với người thi hành công vụ. Do đó, bà làm đơn

khởi kiện yêu cầu giải quyết những nội dung sau:

+ Tuyên hủy GCNQSDĐ số G201007 cấp ngày 20/10/1995 cho ông [Nguyễn Khắc N1](#), bà [Lê Thị T3](#).

+ Tuyên hủy Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 26/8/2014 của [UBND huyện Đ](#) về việc cấp GCNQSDĐ số BN814066 cho ông [Nguyễn Xuân Đ3](#).

+ Tuyên hủy toàn bộ tờ bản đồ địa chính số 09 tại [thôn Đ - xã Đ - Đ - Hà Tĩnh](#).

+ Tuyên hành vi không đưa tên họ sử dụng đất liền kề là bà [Bùi Thị T4](#) vào Bản mô tả ranh giới vào thời điểm do vẽ bản đồ địa chính là trái pháp luật.

+ Tuyên hành vi cố tình không giải quyết thủ tục hành chính, cố tình không thực hiện nhiệm vụ, công vụ của [Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H](#) và [Văn phòng đăng ký đất đai huyện H - Đ](#) là trái pháp luật.

- *Người bị kiện [UBND huyện Đ](#) trình bày:*

+ GCNQSDĐ số G 201007 ngày 20/10/1995 UBND huyện cấp cho ông [Nguyễn N1](#) không phải cấp cho ông [Nguyễn Khắc N1](#) và bà [Lê Thị T3](#) và đã được làm thủ tục thừa kế, sang tên cho ông [Nguyễn Xuân Đ3](#) vào năm 2014 nên yêu cầu hủy GCNQSDĐ số G 201007 ngày 20/10/1995 do [UBND huyện Đ](#) cấp cho ông [Nguyễn Khắc N1](#) và bà [Lê Thị T3](#) là không có cơ sở.

+ Đối với nội dung yêu cầu hủy Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 26/8/2014 của [UBND huyện Đ](#) về việc cấp GCNQSDĐ số BN 814066 cho ông [Nguyễn Xuân Đ3](#): Căn cứ hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông [Nguyễn Xuân Đ3](#) (nhận thừa kế từ ông [Nguyễn N1](#)) do Văn phòng Đăng ký đất đai cung cấp, UBND huyện nhận thấy quá trình thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật. Mặt khác, vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn là ông [Nguyễn Xuân Đ3](#) và các bị đơn là bà [Nguyễn Thị L2](#), bà [Nguyễn Thị L](#) và bà [Nguyễn Thị L3](#) đã được Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ xét xử sơ thẩm (Bản án số 02/2020/DS-ST ngày 21/12/2020), được Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm (Bản án số 12/2021/DS-PT ngày 13/4/2021); các bản án trên đều Quyết định giao cho ông [Nguyễn Xuân Đ3](#) sử dụng toàn bộ tài sản trên diện tích đất 74,09m² nên yêu cầu của người khởi kiện là không có cơ sở.

- *Người bị kiện [UBND thị trấn Đ, huyện Đ](#) trình bày:*

+ Về yêu cầu hủy GCNQSDĐ số G 201007 ngày 20/10/1995 cấp cho ông [Nguyễn Khắc N1](#) và bà [Lê Thị T5](#): Yêu cầu này là không có cơ sở pháp lý vì toàn bộ hồ sơ địa chính lưu trữ tại địa phương thể hiện thống nhất quyền sử dụng đất là của ông [Nguyễn Khắc N1](#) và đã làm các thủ tục theo trình tự để các cấp có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ số G 201007 ngày 20/10/1995; hồ sơ bao gồm: Bản đồ 299, phiếu giao ruộng đất; sổ địa chính và các sổ sách, giấy tờ có liên quan đều thể hiện nhất quán hình thể thửa đất trên. Ông [Nguyễn Khắc N1](#) sinh sống ổn định trên thửa

đất nói trên và quá trình sinh sống tại địa phương từ thời điểm cấp GCNQSDĐ số G 201007 ngày 20/10/1995 (và sau này đến thời điểm trước khi tranh chấp phát sinh) đều không có tranh chấp, mẫu thuẫn phát sinh liên quan đến quyền sử dụng đất nói trên. Thửa đất nói trên hình thành từ thửa đất 278 và 228 theo nguyên hiện trạng bản đồ 299 được lập từ năm 1980.

+ Đối với yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 26/8/2014 của [UBND huyện Đ](#) về việc cấp GCNQSDĐ cho ông [Nghiêm Xuân Đ3](#): Yêu cầu khởi kiện này là không đúng, bởi lẽ trên cơ sở quy định pháp luật về dân sự, thừa kế sau khi ông [Nghiêm Xuân N2](#) chết, những thành phần trong hàng thừa kế thứ nhất của ông [Nghiêm Xuân N2](#) đã làm đầy đủ các thủ tục theo quy định như văn bản phân chia tài sản thừa kế để nhận thừa kế quyền sử dụng đất nói trên. Việc tăng diện tích (không thay đổi về cơ bản hình thể thửa đất) đã được công chức chuyên môn giải trình cụ thể.

+ Đối với yêu cầu tuyên hủy toàn bộ bản đồ số 09 tại [thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#): Yêu cầu này là không có cơ sở pháp lý vì khi đo đạc bản đồ dựa trên cơ sở bản đồ 299 và thực trạng sử dụng đất của các hộ dân trên địa bàn trên cơ sở đối chiếu GCNQSDĐ đã được cấp trước đó cùng với hệ thống sổ sách địa chính lưu trữ tại địa phương.

+ Đối với yêu cầu tuyên hành vi không đưa tên hộ sử dụng đất liền kề của bà [Nguyễn Thị T6](#) (bà [P](#)) vào bản mô tả ranh giới vào thời điểm đo vẽ bản đồ địa chính: Gia đình ông [Nghiêm](#) khắc [N2](#) đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ số G201007 ngày 20/10/1995 theo đúng quy định. Còn việc bà [Nghiêm Thị L](#) trình bày quan điểm trước đó cho rằng phần diện tích đất hiện tại có ngôi nhà của mẹ bà là cụ [Bùi Thị T2](#) xây trên đó có nguồn gốc là đất của ông [Nghiêm T7](#) và đất hương hỏa, tuy nhiên trên thực tế bà [Nghiêm Thị L](#) không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

- Người bị kiện [Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H](#) trình bày:

Ngày 11/5/2021, [Văn phòng Đ](#) nhận được phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai của bà [Nghiêm Thị L](#) đề ngày 7/5/2021 nhưng đơn vị không cung cấp thông tin theo yêu cầu của bà [L](#) là do: Theo phân cấp quản lý hồ sơ lưu trữ thì hồ sơ đất đai của hộ gia đình, cá nhân được lưu trữ tại các Chi nhánh [Văn phòng Đ](#) và Chi nhánh [Văn phòng Đ](#) có nhiệm vụ thực hiện cung cấp thông tin khi tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác theo quy định, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin của bà [L](#) có gửi Chi nhánh [Văn phòng Đ - Đ](#) và đây là nhiệm vụ của Chi nhánh nên [Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H](#) không có trách nhiệm cấp hồ sơ theo yêu cầu của bà [L](#) theo quy định.

- Người bị kiện [Văn phòng Đ chi nhánh H - Đ](#) trình bày:

[Văn phòng Đ chi nhánh huyện H - Đ](#) có hai địa bàn làm việc, mỗi địa bàn có bộ phận tiếp nhận và trả kết quả từng địa bàn được phân cấp quản lý riêng. Qua

kiểm tra thấy, bà [Nguyễn Thị L](#) có gửi phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai tới Văn phòng đăng ký đất đai [Chi nhánh H - Đ](#) qua đường bưu điện đến địa chỉ [thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#) là nơi làm việc của bộ phận tiếp nhận, trả kết quả tại địa bàn [huyện H](#); còn bộ phận tiếp nhận, trả kết quả tại địa bàn [huyện Đ](#) không trực tiếp nhận được phiếu yêu cầu của bà [L](#) nên không biết thông tin để cung cấp, phản hồi lại các nội dung bà yêu cầu. Do đó đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà [Nguyễn Thị L](#).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông [Nguyễn K](#), bà [Võ Thị C](#) và ông [Nguyễn Xuân Đ3](#) trình bày thống nhất như sau:*

+ Về nguồn gốc đất: Thửa đất hiện nay được cấp cho ông [Nguyễn Xuân Đ3](#) là do cụ [Nguyễn T8](#) tạo lập, sau khi cụ [N3](#) Thường chết thì ông [Nguyễn N2](#) tiếp tục sinh sống trên thửa đất đó cho đến ông [Nguyễn K](#) và nay là ông [Nguyễn Xuân Đ3](#) quản lý và sử dụng ổn định.

+ Năm 1993, sau khi ông [P](#) chết, chị em bà [L](#) đã bán nhà và đất với giá 8.000.000 đồng cho bà [T9](#) và hiện nay gia đình bà [T9](#) đang sinh sống và đưa bà [P](#) ra Hà Nội ở cùng con gái thời gian cuối đời. Năm 1996, bà [P](#) trở về quê và không có nơi ở nên đã được ông [Nguyễn Khắc N1](#) cho mượn một phần diện tích đất khoảng 70m² đất vườn trong thửa đất số 212, tờ bản đồ số 9 của gia đình với mục đích để xây nhà sống phần đời còn lại đến lúc bà [P](#) chết phải trả lại đất cho gia đình. Năm 2000, ông [Nguyễn Khắc N1](#) chết, trước khi chết ông có di nguyện với con cháu và nói với bà [P](#) là thửa đất cho bà [P](#) mượn đến khi bà [P](#) chết không được ai sinh sống tại đó và phải trả lại đất cho gia đình. Sau khi ông [N1](#) chết, năm 2014 Nhà nước có chủ trương cấp lại GCNQSDĐ; trên cơ sở trích lục thửa đất, tư cặn hiện trạng đo lại diện tích bằng máy và các hộ liên kề đã công nhận và ký giáp ranh. Do khi cấp đổi lại GCNQSDĐ thì ông [N1](#) (ông nội ông [Đ3](#)) đã chết, UBND xã và huyện yêu cầu gia đình họp và thống nhất ai đứng tên, sau đó gia đình con cháu ông [N1](#) đã họp gia đình và thống nhất giao trách nhiệm cho ông [Nguyễn Xuân Đ3](#) là cháu đích tôn đứng tên. Hồ sơ và thủ tục, trình tự cấp GCNQSDĐ cho ông [Đ3](#) là hoàn toàn đúng luật do đó việc bà [L](#) kiến nghị phải có bà [P](#) xác nhận giáp ranh và yêu cầu hủy GCNQSDĐ cũng như tờ bản đồ số 09 là hoàn toàn không có căn cứ.

- *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC-ST, ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:*

Áp dụng Điều 164, 207 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 158, 204 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 9 Điều 26, Điều 37, 34, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, Điều 96, 97, 117 Luật Đất đai năm 2013, xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà [Nguyễn Thị L](#) về việc yêu cầu hủy GCNQSDĐ số G201007 cấp ngày 20/10/1995 cho ông [Nguyễn Khắc N1](#), bà [Lê Thị T3](#); yêu

cầu hủy Quyết định cấp GCNQSDĐ số 1123/QĐ - UBND ngày 26/8/2014 của [UBND huyện Đ](#), tỉnh Hà Tĩnh về việc cấp GCNQSDĐ số BN814066 cho ông [Nghiem Xuân Đ3](#); yêu cầu hủy toàn bộ tờ bản đồ địa chính số 9 tại [thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#); yêu cầu xem xét hành vi không đưa tên hộ chủ sử dụng đất liền kề là bà [Bùi Thị T2](#) vào bản mô tả ranh giới vào thời điểm đo vẽ bản đồ địa chính là trái pháp luật; yêu cầu xem xét hành vi cố tình không giải quyết thủ tục hành chính, cố tình không thực hiện nhiệm vụ công vụ của [Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H](#) và [Văn phòng đăng ký đất đai huyện H - Đ](#) là trái pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/11/2022, bà [Nghiem Thi L](#) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện bà [Nghiem Thi L](#) giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày: Toàn bộ thửa đất có nguồn gốc là của cố [Nghiem Quang](#) để lại nhưng sau này các con của cố [Nghiem Q](#) không ai sử dụng nên mẹ của bà là cụ [Bùi Thị T2](#) đến ở, làm nhà, sinh sống trên thửa đất từ năm 1992, sử dụng liên tục, không có tranh chấp với ai cho đến lúc chết là đã trên 30 năm; theo quy định của pháp luật thì mẹ bà được công nhận về quyền sử dụng đất, do mẹ bà đã chết nên bà là một trong các thừa kế được hưởng di sản thừa kế của mẹ để lại. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

- Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày: Trong diện tích đất đã cấp GCNQSDĐ số BN 814066 ngày 26/8/2014 cho ông [Nghiem Xuân Đ3](#) có phần 70m² đất của mẹ bà [L](#) sử dụng xây dựng làm nhà ở từ năm 1992, sử dụng liên tục, không có tranh chấp với ai cho đến nay đã trên 30 năm; phần diện tích đất còn lại có nguồn gốc từ cố [Nghiem Q](#) nhưng không có giấy tờ nào về việc phân chia thừa kế giữa những đồng thừa kế của cố [Nghiem Q](#), không có giấy tờ nào về việc Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho cố [Nghiem Q](#) nên không có cơ sở để cấp GCNQSDĐ số Q201007 cho cụ [N1](#), cụ [T3](#) vào năm 1995. Việc cấp GCNQSDĐ cho ông [Đ3](#) có dấu hiệu UBND xã không công khai theo quy định pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của những người đang sinh sống trên mảnh đất. Diện tích đất tăng lên 181m² mà [UBND xã Đ](#) giải thích là sai số do đo đạc là không phù hợp với sai số cho phép trong đo đạc địa chính. Cán bộ địa chính của [UBND xã Đ](#), cán bộ [phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ](#) có hành vi vi phạm là không đưa tên hộ sử dụng đất liền kề là bà [Bùi Thị T4](#) (mẹ của bà) vào bản mô tả ranh giới dẫn đến việc trong hồ sơ đăng ký biến động của nguyên đơn là vi phạm quy định về lập bản đồ địa chính, dẫn đến sai sót và tranh chấp do tờ bản đồ địa chính số 09 không được đo vẽ chính xác. Ngoài ra, ngày 10/5/2021 bà [L](#) có gửi Phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai tới [Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H](#), [Văn](#)

[phòng đăng ký đất đai huyện H - Đ](#) nhưng không có phản hồi; đây là hành vi cố tình không giải quyết thủ tục hành chính, vi phạm pháp luật đất đai đối với người thi hành công vụ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà [L](#), sửa bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của bà [Nguyễn Thị L](#) là trong hạn luật định và thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của bà [Nguyễn Thị L](#), giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà [Nguyễn Thị L](#) là trong thời hạn luật định và bà là người cao tuổi, được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa có mặt người khởi kiện có kháng cáo và người đại diện theo uỷ quyền; có mặt đại diện theo uỷ quyền của những người bị kiện; vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo uỷ quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng có người có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có người uỷ quyền cho người khác tham gia phiên tòa, những người khác đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Bà [Nguyễn Thị L](#) khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ, quyết định về việc cấp GCNQSDĐ, yêu cầu tuyên hành vi hành chính của [Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H](#), [Văn phòng Đ](#) [chi nhánh H - Đ](#) trái pháp luật; đây là các quyết định hành chính, hành vi hành chính, là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Do đó, bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, yêu cầu khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh là đúng theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32,

khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của người khởi kiện bà [Nguyễn Thị L](#), Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu hủy GCNQSDĐ số G201007 ngày 20/10/1995 cho ông [Nguyễn Khắc N1](#), bà [Lê Thị T3](#); hủy Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 26/8/2014 của [UBND huyện Đ](#) về việc cấp GCNQSDĐ số BN814066 cho ông [Nguyễn Xuân Đ3](#) và tuyên hủy toàn bộ tờ bản đồ địa chính số 09 tại [thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#):

[2.1.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định bị kiện: GCNQSDĐ số G201007 ngày 20/10/1995; Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 26/8/2014 của [UBND huyện Đ](#) về việc cấp GCNQSDĐ số BN814066 và Bản đồ địa chính số 09 [thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#) được ban hành là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2.1.2] Về nội dung của các quyết định bị kiện:

Năm 1980, thực hiện chủ trương lập bản đồ 299, thửa đất gia đình ông [Nguyễn N1](#) được theo dõi tại số thửa 288 + 278, diện tích 525m², sổ địa chính được lập năm 1993 – 1994, tứ cận thửa đất không thể hiện tiếp giáp đất của bà [Bùi Thị T2](#). Năm 1995 ông [Nguyễn N1](#) được [UBND huyện Đ](#), tỉnh Hà Tĩnh cấp GCNQSDĐ số G201007 ngày 20/10/1995, diện tích 1.855m² (bao gồm cả đất nông nghiệp), trong đó đất ở 200m², đất vườn 675m². Năm 2014 các con, cháu ông [N1](#) họp thống nhất giao cho ông [Nguyễn Xuân Đ3](#) (cháu đích tôn) được thừa kế toàn bộ thửa đất. Sau khi họp thống nhất, ông [Nguyễn Xuân Đ3](#) đã tiến hành làm đầy đủ các thủ tục để được cấp GCNQSDĐ như: Văn bản phân chia tài sản thừa kế; văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của đầy đủ hàng thừa kế ông [Nguyễn N1](#), Bản đồ 299; sổ theo dõi quản lý đất đai lập năm 1995; GCNQSDĐ của ông [Nguyễn N1](#) số G201007 đã cấp ngày 20/10/1995; biên bản kiểm tra thực địa; Phiếu chuyển thông tin địa chính; Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất. Ngày 26/8/2014, ông [Nguyễn Xuân Đ3](#) được [UBND huyện Đ](#) cấp GCNQSDĐ số BN 814066, thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.056,2m², nguồn gốc đất nhận thừa kế quyền sử dụng đất. [UBND thị trấn Đ](#) xác nhận: Diện tích thực tế thửa đất tăng lên là do trước đây đo vẽ bằng thủ công, tính toán đơn giản nên có sai số, hiện tại tứ cận tiếp giáp không có tranh chấp, lấn chiếm.

Người khởi kiện bà [Nguyễn Thị L](#), trình bày nguồn gốc thửa đất nêu trên là của cố [Nguyễn Q](#) tạo lập vào trước năm 1920; cố [Q](#) có 04 người con là ông [T7](#), ông [T8](#), ông [T10](#), ông [V1](#); khi đang sống cố Nguyễn Quang chia thửa đất thành 2 phần cho ông [T7](#), ông [T8](#) lập gia đình và sinh sống trên thửa đất; năm 1966, do đất gia đình bị bom Mỹ ném phá nên gia đình ông [T8](#) đưa vợ con về trên đất ông [T7](#), xây dựng nhà cửa sinh sống nhưng bà [Nguyễn Thị L](#) không có tài liệu chứng cứ, chứng

minh nguồn gốc sử dụng hợp pháp của cổ [Nguyễn Q](#). Theo [UBND thị trấn Đ](#) trình bày thì hồ sơ quản lý đất đai đối với thửa đất đang tranh chấp không có tên bà [Bùi Thị T2](#) (mẹ bà [Nguyễn Thị L](#)) cũng như không có tài liệu nào thể hiện thửa đất nêu trên mang tên cổ [Nguyễn Q](#).

Về xác định diện tích đất hiện nay đang do ông [Nguyễn Xuân Đ3](#) quản lý, sử dụng: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 21/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ; Bản án dân sự phúc thẩm số 12/2021/DS-PT ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và Thông báo số 532/TB-TANDCC-DS ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc thông báo giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm của bà [Nguyễn Thị L](#) đều khẳng định bà [T2](#) không có quyền sử dụng thửa đất này và giao cho ông [Nguyễn Xuân Đ3](#) được quyền quản lý, sử dụng.

[2.1.3] Quá trình giải quyết vụ án dân sự theo yêu cầu khởi kiện của bà [Nguyễn Thị L](#) thì bà [L](#), người làm chứng bà [Nguyễn V2](#) (em chồng bà [T2](#)) đều khẳng định sau khi bà [T2](#) lập gia đình với ông [Nguyễn P1](#), vợ chồng mua đất ra ở riêng; sau khi ông [P1](#) chết thì bà [T2](#) bán nhà ra Hà Nội để sinh sống cùng các con. Người làm chứng bà [Đinh Thị T11](#) xác định bà [Bùi Thị T2](#) bán đất cho bà vào đầu năm 1993. Như vậy, trước lúc bà [Bùi Thị T2](#) về sinh sống trên đất ông [Nguyễn N1](#) thì thửa đất của vợ chồng bà [T2](#), ông [P1](#) sống trước đây ở vị trí thửa đất khác vị trí thửa đất gia đình ông [Nguyễn N1](#) và đã bán cho bà [T11](#) nên trong bản đồ 299 đo vẽ năm 1980, tứ cận thửa đất ông [Nguyễn N1](#) không thể hiện tiếp giáp đất bà [Bùi Thị T2](#) là đúng với hiện trạng thực tế các hộ sử dụng trên đất. Việc [UBND huyện Đ](#) không xác định bà [Bùi Thị T2](#) là chủ sử dụng thửa đất liền kề tiếp giáp thửa đất ông [Nguyễn N1](#) vào sơ đồ bản vẽ số 09 là có cơ sở.

[2.1.4] Bà [Nguyễn Thị L](#) cho rằng hồ sơ cấp GCNQSDĐ không ký hộ giáp ranh liền kề và yêu cầu giám định chữ ký của người làm chứng, hộ giáp ranh liền kề ông [Đinh Trọng V3](#), xét thấy: Ông [Đinh Trọng V3](#) thừa nhận việc sinh sống ổn định trên thửa đất, không có tranh chấp với ai, không có sự việc ai lấn chiếm đất của ông, sau khi về sinh sống trên thửa đất đó thì ông đã tự mình xây dựng tường rào cố định giữa hai nhà để xác định ranh giới.

[2.1.5] Như vậy, GCNQSDĐ số G201007 ngày 20/10/1995 cấp cho ông [Nguyễn Khắc N1](#), bà [Lê Thị T3](#) và Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 26/8/2014 của [UBND huyện Đ](#) về việc cấp GCNQSDĐ số BN814066 được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền; về nội dung đã xác định đúng người có quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật; việc lập tờ Bản đồ địa chính số 9 tại [thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#) là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu xem xét hành vi không đưa tên hộ chủ sử dụng đất liền kề là bà [Bùi Thị T2](#) vào bản mô tả ranh giới vào thời điểm đo

về bản đồ địa chính là trái pháp luật:

Như đã phân tích tại mục [2.1], nguồn gốc đất đang tranh chấp được xác định là của ông [Nghiem N1](#) sử dụng từ trước năm 1980, hiện nay thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông [Nghiem Xuân Đ3](#) do được các thừa kế của ông [Nghiem N1](#) thống nhất tự nguyện giao cho. Không có tài liệu, chứng cứ về việc tặng, cho một phần thửa đất giữa ông [Nghiem N1](#) và bà [Bui Thi T2](#). Quá trình sinh sống trên thửa đất từ năm 1996 đến lúc chết năm 2017, trải qua nhiều lần thực hiện thủ tục cấp GCNQSDĐ thì bà [T2](#) không đứng ra kê khai hoặc đề nghị cấp văn bản chứng minh việc mua bán, tặng cho đất. Mặc dù, bà [T2](#) làm nhà và sinh sống trên thửa đất gần 30 năm nhưng hồ sơ chứng nhận quyền sử dụng mang tên chủ sử dụng hợp pháp gia đình ông [Nghiem Xuân Đ3](#) từ năm 1980 (bản đồ 299) cho đến nay; không có giấy tờ, chứng cứ chứng minh về việc người trực tiếp quản lý, sử dụng đất là bà [Bui Thi T2](#) nên không có cơ sở để đưa bà [T2](#) vào hộ giáp ranh liền kề và bản mô tả ranh giới, mốc giới.

Do đó, việc [UBND huyện Đ](#) khi lập Bản đồ số 09 không đưa hộ bà [Bui Thi T2](#) là chủ sử dụng đất liền kề thửa đất ông [Đ3](#) vào bản mô tả ranh giới vào thời điểm đo vẽ bản đồ địa chính là có căn cứ.

[2.3] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu xem xét hành vi cố tình không giải quyết thủ tục hành chính, cố tình không thực hiện nhiệm vụ công vụ của [Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H](#) và [Văn phòng đăng ký đất đai huyện H - Đ](#) là trái pháp luật:

[2.3.1] Ngày 11/5/2021, [Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh H](#) nhận được phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai của bà [Nghiem Thi L](#) đề ngày 7/5/2021 nhưng không cung cấp thông tin theo yêu cầu của bà [L](#) là do phiếu yêu cầu của bà [L](#) có gửi cả nơi nhận là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh H - Đ và theo phân cấp quản lý hồ sơ lưu trữ thì hồ sơ đất đai của hộ gia đình, cá nhân được lưu trữ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai và các Chi nhánh có nhiệm vụ thực hiện cung cấp thông tin khi tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác theo quy định nên Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H không cung cấp dữ liệu đất đai cho bà [Nghiem Thi L](#) là đúng quy định.

[2.3.1] Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh H - Đ được thành lập là tên gọi chung, là một chi nhánh nhưng có trụ sở làm việc, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại hai địa bàn theo phân cấp khác nhau. Trụ sở làm việc của Chi nhánh tại địa bàn Đ là tại số nhà 132, đường Y, thị trấn Đ, huyện Đ. Bà [Nghiem Thi L](#) có gửi phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai tới Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh H – Đ yêu cầu cung cấp dữ liệu bằng đường bưu điện tuy nhiên phiếu yêu cầu được gửi đến địa chỉ thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh là nơi làm việc của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh H - Đ (tại địa bàn huyện H) nên bộ phận thực hiện tiếp nhận

và trả kết quả tại địa bàn huyện Đ không nhận được và không biết thông tin cung cấp, phản hồi lại các nội dung bà L yêu cầu nên không bị coi là có hành vi cố tình không giải quyết thủ tục hành chính, cố tình không thực hiện nhiệm vụ công vụ. Mặt khác, tại phiên toà phúc thẩm bà L thừa nhận sau khi có yêu cầu gửi đến đúng địa chỉ đơn vị nhận thì Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh H - Đ đã thực hiện theo yêu cầu của bà đầy đủ.

[3] Với những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm xử bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà Nghiêm Thị L là có cơ sở, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nghiêm Thị L; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nhưng bà Nghiêm Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện bà Nghiêm Thị L; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nghiêm Thị L.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng